

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 27 - 9 - 2019

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Dư Thành Trung
Ông Đặng Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc “Xin ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 202/2019/QĐ-PT ngày 21/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Minh A**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Đường CVA, Phường A, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh **Đỗ Sơn L**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn A, xã LQ, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Chị Trịnh Thị Minh A – Nguyên đơn
(Chị A có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Trịnh Thị Minh A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L sống chung với nhau từ năm 2017, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ

cưới theo phong tục tập quán. Vợ chồng đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18/4/2017.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do cả hai có quan điểm sống khác nhau về tình cảm, công việc, phần ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 5/2018 đến nay, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu kéo dài sẽ gây ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi người và con cái. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Sơn L.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Uyên M, sinh ngày 13/8/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Theo bản tự khai và lời trình bày của bị đơn anh Đỗ Sơn L: Anh L thống nhất với lời trình bày của chị A về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn vì những lý do về tình cảm, công việc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên nay chị A xin ly hôn thì anh đồng ý.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành do anh L không ký vào biên bản hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Anh L đồng ý ly hôn và yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Xin ly hôn” của chị Trịnh Thị Minh A đối với anh Đỗ Sơn L.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị Minh A và anh Đỗ Sơn L.

Về con chung: Giao con chung là Đỗ Uyên M, sinh ngày 13/8/2017 cho anh Đỗ Sơn L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ

18 tuổi; anh L không yêu cầu chị Trịnh Thị Minh A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền đi lại thăm nom, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/6/2019 chị A có đơn kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị A. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trịnh Thị Minh A và anh Đỗ Sơn L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị A xin ly hôn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Xin ly hôn*” là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh L đều trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét kháng cáo của chị Trịnh Thị Minh A về yêu cầu được trực tiếp nuôi con thì thấy rằng:

Chị A và anh L đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Uyên M, sinh ngày 13/8/2017, nay con đang ở với anh L. Chị A và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Xét nguyện vọng của chị A và anh L là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

Theo hồ sơ thể hiện: Từ khi cháu M được 10 tháng tuổi thì anh L là người trực tiếp nuôi con. Chị A đi học nghề nối mi, chăm sóc sắc đẹp ở thành phố Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tại phiên tòa sơ thẩm chị A trình bày, nếu được trực tiếp nuôi con thì chị sẽ giao con cho mẹ chị nuôi dưỡng, chị cung cấp tiền bạc để bà ngoại nuôi cháu thay chị, khoảng 2,3 năm nữa khi kinh tế khá vững chị sẽ trực tiếp nuôi con. Mặc dù đã được hội đồng xét xử cấp sơ thẩm giải thích chị A nên thu xếp công việc để được gần gũi chăm sóc con nhưng chị A không đồng ý. Hiện tại anh L có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con, anh L không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Hơn nữa, cháu M đang được anh L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu phát triển tốt cả về thể lực và trí tuệ. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, giao con cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi của con. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên chị A phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trịnh Thị Minh A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị Minh A.

Chị Trịnh Thị Minh A và anh Đỗ Sơn L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Uyên M, sinh ngày 13/8/2017 cho anh Đỗ Sơn L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh L không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Minh A phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013248 ngày 09/01/2019 và 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số 0013043 ngày 10/7/2019 điều của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm. Chị A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND huyện Bảo Lâm (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (02);
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Nguyệt